

Bài học ngày 27.11.2021

NGƯỜI TRÍ BIẾT NHÌN XA HIỂU RỘNG Kinh Tuổi Trẻ (Daharasuttam)

CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 68)

Một trong những nguyên nhân gây họa trong đời người là sự bất cẩn với những điều nhỏ nhặt là nhỏ nhoi nhưng thực tế thì không phải vậy. Bài kinh này ghi lại giai thoại thú vị khi vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) gặp Đức Phật lần đầu tiên. Nhà vua cùng tuổi với Đức Phật. Năm đó Đức Phật khoảng 42 tuổi và vừa đến hoàng hoá ở kinh đô Sāvatti, vương quốc Kosala. Nhà vua đến trong tư cách của một vị khách viếng, hơn thế nữa, là vị vua trong vương quốc. Khởi đầu câu chuyện nhà vua đem vấn đề tuổi tác như thước đo trình độ tu chứng. Đức Phật trả lời về bốn điều không nên xem thường chỉ vì “trẻ” hay “bé nhỏ” đó là vị hoàng tử trẻ, con rắn nhỏ, đóm lửa nhỏ, và vị sa môn trẻ. Lời dạy súc tích của Đức Phật đã dạy nhà vua điều quan trọng: Phải nhìn xa, hiểu rộng sự việc hơn là chỉ dựa trên quan niệm thường tình.

Có hai điểm mang sức thuyết phục lớn đối với nhà vua: Một là Đức Phật nêu lên bốn thứ cần cẩn trọng chứ không nói chỉ tôn vinh cá nhân. Rõ ràng mang tính khách quan. Hai là nhà vua, bản thân có tài lên ngôi từ khi niên thiếu nên nhanh chóng hiểu rất rõ những gì Phật dạy.



Kinh Văn

Evam me sutam –
Như vậy tôi nghe.

ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi.

Rồi vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala (Kiều-tát-la) đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca –
Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

“bhavampi no gotamo anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paṭijānāti”ti?

-- Tôn giả Gotama có tự cho mình đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không?

“Yañhi taṃ, mahārāja, sammā vadamāno vadeyya ‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ti, mameva [mamaṃ (sabbattha)] taṃ sammā vadamāno vadeyya. Ahañhi, mahārāja, anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho”ti.

-- Thừa Đại vương, nếu có ai có thể nói một cách chơn chánh là mình đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì người ấy phải chính là Ta. Thừa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“Yepi te, bho gotama, samaṇabrāhmaṇā saṅghino gaṇino gaṇācariyā ñātā yasassino titthakarā sādhusammataṃ bahujanassa, seyyathidaṃ – pūraṇo kassapo, makkhali gosālo, nigaṇṭho nāṭaputto, saṅcayo belatṭhaputto, pakudho kaccāyano, ajito kesakambalo; tepi mayā ‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paṭijānāthā’ti puṭṭhā samānā anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti na paṭijānanti. Kiṃ pana bhavaṃ gotamo daharo ceva jātiyā navo ca pabbajjāyā”ti?

-- Thừa Tôn giả Gotama, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Như ngài Purana Kassapa, Makkali Gosāla, Nigantha Nātaputta, Sanjaya Belatthiputta, Kakudha Kaccāyana, Ajita Kesakambala. Khi con hỏi các vị ấy: "Có tự xem là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?", thì họ đã trả lời, không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi, sanh sau để muộn, và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

“Cattāro kho me, mahārāja, daharāti na uññātabbā, daharāti na paribhotabbā. Katame cattāro?”

-- Thừa Đại vương, có bốn loại trẻ tuổi không nên kính thường, hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thế nào là bốn?

Khattiyō kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Urago kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Aggi kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Bhikkhu, kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo.

-- Thừa Đại vương, Khattiya trẻ tuổi không nên kính thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thừa Đại vương, con rắn trẻ tuổi không nên kính thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thừa Đại vương, ngọn lửa trẻ tuổi không nên kính thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thừa Đại vương, Tỷ-kheo trẻ tuổi không nên kính thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ.

Hiệu đính:

—Thừa Đại vương, không nên mạo phạm một sát đế lý niên thiếu vì xem thường là tuổi trẻ. Thừa Đại vương, không nên đùa với con rắn nhỏ vì xem thường là chưa đủ lớn. Thừa Đại vương, không nên bắt cản với đóm lửa vì xem thường là nhỏ nòi. Thừa Đại vương, không nên xúc phạm tu sĩ trẻ vì xem thường là non nớt.

Ime kho, mahārāja, cattāro daharāti na uññātabbā, daharāti na paribhotabbā”ti.

Thừa Đại vương, bốn loại trẻ tuổi này không nên kính thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

Idamavoca bhagavā. Idam vatvāna sugato athāparam etadavoca satthā –

Thế Tôn nói như vậy. Nói xong, bậc Thiện Thệ lại nói thêm như sau:

**“Khattiyaṃ jātisampannaṃ, abhijātaṃ yasassināṃ;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.**

**“Ṭhānañhi so manujindo, rajjaṃ laddhāna khattiyo;
So kuddho rājadanda, tasmim pakkamate bhusaṃ;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.**

“Sanh dòng Sát-đế-ly,
Thuộc quý tộc, danh xưng,

Chớ khinh thường là trẻ,
Chớ miệt thị là nhỏ.
“Vị Sát-đế-ly ấy,
Đến thời lên ngôi vua
Làm chúa tể loài Người,
Trị vì cả quốc độ.
Vị ấy nếu phẫn nộ,
Dùng vương phạt gia hình,
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né vị ấy.

Bản hiệu đính

*“Chớ xem thường mạo phạm,
Vì cho là trẻ tuổi,
Vớì hoàng tử dòng vua,
Vớì khi nổi ngai vàng,
Vớì vương quyền thịnh nộ,
Sẽ gia hình khốc liệt,
Do vậy hãy cố tránh,
Bảo vệ mạng sống mình.*

**“Gāme vā yadi vā raññe, yattha passe bhujāṅgamaṃ;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.**

**“Uccāvacehi vaṇṇehi, urago carati tejasī [tejasā (sī. ka.), tejasi (pī. ka.)];
So āsajja ḍaṃse bālaṃ, naraṃ nārīṅca ekadā;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.**

“Ở làng hay là rừng,
Có thấy rắn bò qua,
Chớ khinh thường rắn trẻ,
Chớ miệt thị rắn nhỏ,
Cao thấp hình sai biệt.
“Rắn sống đầy nhiệt khí,
Bị tấn công, nó cắn,
Kẻ ngu cả nam nữ,
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né loài rắn.

Bản hiệu đính

*“Chớ xem thường đùa giỡn,
Vì cho là nhỏ nòi,
Khi thấy con rắn nhỏ,
Trong làng hay trong rừng,
Với màu sắc đậm nhạt,
Có thể độc, hung hăng,
Tấn công, cắn kẻ ngu,
Bất luận nam hay nữ,
Do vậy hãy cố tránh,
Bảo vệ mạng sống mình.*

**“Pahūtabhakkhaṃ jālinaṃ, pāvakaṃ kaṇhavattaniṃ;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.**

**“Laddhā hi so upādānaṃ, mahā hutvāna pāvako;
So āsajja dahe [dahe] bālaṃ, naraṃ nāriṅca ekadā;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.**

*“Lửa cháy đầy khát vọng,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Chớ khinh thường lửa trẻ,
Chớ miệt thị lửa nhỏ.
“Lửa được đồ Bén cháy,
Liên cháy to, cháy lớn,
Bị tấn công, lửa đốt,
Kẻ ngu cả nam nữ,
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né lửa cháy.*

Bản hiệu đính

*“Chớ xem thường bất cẩn,
Vì nghĩ đốt lửa tàn,
Khi gặp thứ dẫn lửa,
Bùng cháy, cháy mãnh liệt,
Áp đảo, thiêu kẻ ngu,
Bất luận nam hay nữ,*

*Do vậy hãy cố tránh,
Bảo vệ mạng sống mình.*

**“Vanam yadaggi dahati [dahati (ka.)], pāvako kaṇhavattanī;
Jāyanti tattha pārōhā, ahorattānamaccaye.
“Yañca kho silasampanno, bhikkhu dahati tejasā;
Na tassa puttā pasavo, dāyādā vindare dhanam;
Anapaccā adāyādā, tālāvatthū bhavanti te.**

“Khu rừng bị lửa đốt,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Sau nhiều đêm và ngày,
Rễ mầm lại mọc lên.
“Còn Tỷ-kheo trẻ giới,
Nồng cháy với nhiệt tình,
Nhưng không con, không cái,
Không của cải truyền thừa,
Không con, không thừa tự,
Như thân cây tala.

Bản hiệu đính

*“Chớ xem thường xúc phạm,
Vì cho là non nớt,
Tu sĩ trẻ thanh tịnh,
Nếu rừng bị lửa đốt,
Cháy thiêu rụi tất cả,
Tuy vậy đêm ngày qua,
Chồi tược mọc trở lại,
Nhưng ta la đứt ngọn,
Thì không thể hồi sinh,
Năng lực của giới hạnh,
Thiêu đốt kẻ xúc phạm,
Khiến người ấy không con,
Không vợ, không gia súc,
Không hưởng của thừa kế,
Cũng không người thừa tự.*

**“Tasmā hi paṇḍīto poso, sampassam atthamattano;
Bhujāṅgamam pāvakañca, khattiyañca yasassinam;
Bhikkhuñca silasampannam, sammadeva samācare”ti.**

“Do vậy, người hiền trí,
Tự thấy hạnh phúc mình,
Đối với rắn và lửa
Danh xưng Sát-đế-ly,
Vị Tỷ-kheo trì giới,
Với bốn vị kẻ trên,
Hãy biết cách cư xử,
Chon chánh và tốt đẹp.

Bản hiệu đính

*“Do vậy bậc thiện trí,
Vì lợi lạc của mình,
Luôn ứng xử thích hợp,
Với hoàng tử cao trọng,
Rắn độc, ngọn lửa bùng,
Và tu sĩ tịnh giới.*

Evam vutte, rājā pasenadi kosalo bhagavantam etadavoca –
Khi nghe nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

**“abhikkantam, bhante, abhikkantam, bhante! Seyyathāpi bhante, nikkujjitam
[nikujjitam (?)] vā ukkujjeyya, paṭicchannam vā vivareyya, mūḷhassa vā
maggam ācikkheyya, andhakāre vā telapajjotam dhāreyya – ‘cakkhumanto
rūpāni dakkhanti’ti; evamevaṃ bhagavatā anekapariyāyena dhammo
pakāsito. Esāham, bhante, bhagavantam saraṇam gacchāmi dhammañca
bhikkhusaṅghañca. Upāsakam maṃ, bhante, bhagavā dhāretu ajjatagge
pāṇupetaṃ saraṇam gata”nti.**

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người
dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ
đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt
có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện
trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng
Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con
trọn đời quy ngưỡng.



Thích văn

“Khattiyaṃ jātisampannaṃ

= Sát để ly thiện sanh, người xuất thân thuộc giòng dõi vua chúa chính thống

abhijātaṃ yasassināṃ

= địa vị cao, tiếng tăm (nên được hiểu là người ở vị thế có thể nói ngời).

Daharoti nāvajāneyya

= Không nên xem thường là trẻ tuổi,

na naṃ paribhave naro

= không nên mạo phạm vị ấy.

“Tḥānañhi so manujindo

= Bởi vị đại nhân ấy,

rajjaṃ laddhāna khattiyo

= có thể thừa kế vương vị.

So kuddho rājadanda

= Vị ấy thịnh nộ và gia hình với vương quyền,

tasmiṃ pakkamate bhusaṃ

= với mức độ khốc liệt.

Tasmā taṃ parivajjeyya

= Do vậy hãy cố tránh,

rakkhaṃ jīvitamattano

= bảo vệ mạng sống của mình.

“Gāme vā yadi vā raññe

= Dù trong làng hay trong rừng,

yattha passe bhujāṅgamaṃ

= ở đâu thấy con rắn.

Daharoti nāvajāneyya

= Không nên xem thường vì nhỏ bé,

na naṃ paribhave naro

= người không nên đụng tới.

“Uccāvacehi vaṇṇehi

= Nhiều màu sắc đậm nhạt (hay nhiều khoang),

urago carati tejasī

= rắn trườn uốn hung hãn.

So āsajja daṃse bālaṃ

= Tấn công, cắn kẻ ngu,

naraṃ nāriṅca ekadā

= bất luận nam hay nữ.

Tasmā taṃ parivajjeyya

= Do vậy hãy cố tránh,

rakkhaṃ jīvitamattano

= bảo vệ mạng sống của mình.

“Pahūtabhakkhaṃ jālinaṃ

= Lửa thiêu rụi mọi thứ,

pāvakaṃ kaṇhavattaniṃ

= Lửa cháy đen đường đi.

Daharoti nāvajāneyya

= Không nên xem thường đóm lửa nhỏ,

na naṃ paribhave naro

= người không nên đụng tới.

“**Laddhā hi so upādānaṃ mahā hutvāna pāvako** = Nếu được thứ dẫn lửa,
= sẽ thành đám cháy lớn.
So āsajja dahe [dahe] bālaṃ naraṃ nāriṇca ekadā = Áp đảo thiêu kẻ ngu,
= bất luận nam hay nữ.
Tasmā taṃ parivajjeyya rakkhaṃ jīvitamattano = Do vậy hãy cố tránh,
= bảo vệ mạng sống của mình.

“**Vanam yadaggi dahati pāvako kaṇhavattani** = Khi lửa đốt cháy rừng,
= lửa thiêu đen lối đi.
Jāyanti tattha pārōhā = Chòi tọc mọc trở lại,
Ahorattānamaccaye = với đêm ngày trong qua.

“**Yaṅca kho sīlasampanno, bhikkhu dahati tejasā**
= Những bậc giới hạnh thanh tịnh tu sĩ là lửa đốt cháy (người xúc phạm),
Na tassa puttā pasavo, dāyādā vindare dhanam
= Khiến người ấy không vợ con, gia súc, người thừa tự không hưởng được của cải.
Anapaccā adāyādā = Không người nót dỗi, không kẻ kế thừa,
tālāvatthū bhavanti te = người ấy như cây ta la bị chặt ngọn.

“**Tasmā hi paṇḍito poso sampassam atthamattano** = Do vậy người có trí,
= biết nghĩ đến sự lợi lạc bản thân.
Bhujāṅgamaṃ pāvakaṅca khattiyaṅca yasassinam, Bhikkhuṅca sīlasampannam
= Với con rắn độc, ngọn lửa bùng cháy, vị sát đế ly cao trọng, và tu sĩ giới đức trang nghiêm (không kẻ tuổi tác, lớn nhỏ),
sammadeva samācare”ti = luôn ứng xử thích hợp.



Thích nghĩa

Bài kinh này không khó hiểu về nghĩa nhưng khó dịch về văn.

Chữ dahara có nghĩa là trẻ, niên thiếu nhưng những từ này chỉ có thể áp dụng với con người. Còn với rắn và lửa thì phải hiểu là con rắn còn nhỏ nhưng vẫn có

độc, và đóm lửa nhỏ vẫn có khả năng tạo thành đám cháy lớn. Do vậy lời dịch cần linh động để ý và lời được suông tai.

Ý nghĩa phải được dịch dựa trên ý chung của bài kệ chứ không thể lấy theo từng câu và thứ tự trước sau của các câu. Vì dịch sát lời thì lệch ý.

Khi nói lên kệ ngôn này Đức Phật đã dùng cách diễn tả rất đẹp theo mỹ từ pháp với những điệp ngữ nên khi dịch thì đưa lên câu đầu hai mệnh đề: Không nên xem thường... vì cho là tuổi trẻ (hay nhỏ nòi, nhỏ bé). Hai câu kết của mỗi bài kệ cũng trùng điệp.

(Lưu ý: bài kệ thứ tư, nói về tỳ kheo trẻ tuổi, của bản dịch tiếng Việt rất sai với chánh kinh. Xem thêm phần thích văn)

***Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-***

1. Daharasuttam [Mūla]

112. Evaṃ me sutam – ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavatā saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca – ‘bhavampi no gotamo anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paṭijānātī’ ti? ‘Yañhi taṃ, mahārāja, sammā vadamāno vadeyya ‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ ti, mameva [mamaṃ (sabbattha)] taṃ sammā vadamāno vadeyya. Ahañhi, mahārāja, anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho’ ti.

‘Yepi te, bho gotama, samaṇabrāhmaṇā saṅghino gaṇino gaṇācariyā ñātā yasassino titthakarā sādhusammatā bahujanassa, seyyathidaṃ – pūraṇo kassapo, makkhali gosālo, nigaṇṭho nāṭaputto, saṅcayo belatṭhaputto, pakudho kaccāyano, ajito kesakambalo; tepi mayā ‘anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti paṭijānāthā’ ti puṭṭhā samānā anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddhoti na paṭijānanti. Kiṃ pana bhavaṃ gotamo daharo ceva jātiyā navo ca pabbajjāyā’ ti?

‘Cattāro kho me, mahārāja, daharāti na uññātabbā, daharāti na paribhotabbā. Katame cattāro? Khattiyo kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Urago kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Aggi kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Bhikkhu, kho, mahārāja, daharoti na uññātabbo, daharoti na paribhotabbo. Ime kho, mahārāja, cattāro daharāti na uññātabbā, daharāti na paribhotabbā’ ti.

Idamavoca bhagavā. Idam vatvāna sugato athāparaṃ etadavoca satthā –

‘Khattiyaṃ jātisampannaṃ, abhijātaṃ yasassinam;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.

‘Thānañhi so manujindo, rajjaṃ laddhāna khattiyo;
So kuddho rājadaṇḍena, tasmim pakkamate bhusaṃ;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.

‘Gāme vā yadi vā rañṇe, yattha passe bhujāṅgamaṃ;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.

“Uccāvacehi vaṇṇehi, urago carati tejasī [tejasā (sī. ka.), tejasī (pī. ka.)];
So āsajja ḍaṃse bālaṃ, naraṃ nāriṅca ekadā;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.

“Pahūtabhakkhaṃ jālinaṃ, pāvakaṃ kaṇhavattaniṃ;
Daharoti nāvajāneyya, na naṃ paribhave naro.

“Laddhā hi so upādānaṃ, mahā hutvāna pāvako;
So āsajja ḍahe [dahe] bālaṃ, naraṃ nāriṅca ekadā;
Tasmā taṃ parivajjeyya, rakkhaṃ jīvitamattano.

“Vanaṃ yadaggi ḍahati [dahati (ka.)], pāvako kaṇhavattanī;
Jāyanti tattha pārohā, ahorrattānamaccaye.

“Yaṅca kho sīlasampanno, bhikkhu ḍahati tejasā;
Na tassa puttā pasavo, dāyādā vindare dhanā;
Anapaccā adāyādā, tālavatthū bhavanti te.
“Tasmā hi paṇḍito poso, sampassaṃ atthamattano;
Bhujāṅgamaṃ pāvakaṅca, khattiyaṅca yasassinā;
Bhikkhuṅca sīlasampannaṃ, sammadeva samācare”ti.

Evam vutte, rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca – “abhikkantaṃ, bhante,
abhikkantaṃ, bhante! Seyyathāpi bhante, nikkujjitaṃ [nikujjitaṃ (?)] vā ukkujjeyya,
paṭicchannaṃ vā vivareyya, mūḷhassa vā maggaṃ ācikkheyya, andhakāre vā
telapajjotaṃ dhāreyya – ‘cakkhumanto rūpāni dakkhantī’ti; evamevaṃ bhagavatā
anekapariyāyena dhammo pakāsito. Esāhaṃ, bhante, bhagavantaṃ saraṇaṃ
gacchāmi dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅca. Upāsakaṃ maṃ, bhante, bhagavā dhāretu
ajjatagge paṇupetaṃ saraṇaṃ gata”nti.

1. Daharasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

112. Kosalasamyuttassa paṭhame **bhagavatā saddhiṃ sammodīti** yathā khamanīyādīni pucchanto bhagavā tena, evaṃ sopi bhagavatā saddhiṃ samappavattamodo ahoṣi. Sītodakaṃ viya uṇhodakena sammoditaṃ ekībhāvaṃ agamāsi. Yāya ca – “kacci, bho gotama, khamanīyaṃ, kacci yāpanīyaṃ, kacci bhoṭo ca gotamassa sāvakānaṃca appābādhaṃ appātākaṃ lahuṭṭhānaṃ balaṃ phāsuvihāro”tiādīkāya kathāya sammodi, taṃ pītipāmojjasaṅkhātasammodajananato sammoditaṃ yuttabhāvato ca **sammodanīyaṃ**, atthabyañjanamadhuratāya cirampi kālaṃ sāretuṃ nirantaraṃ pavattetuṃ araharūpato saritabbabhāvato ca sāraṇīyaṃ. Suyyamānasukhato ca sammodanīyaṃ, anussariyamānasukhato sāraṇīyaṃ. Tathā byañjanaparisuddhatāya sammodanīyaṃ, atthaparisuddhatāya sāraṇīyanti evaṃ anekehi pariyāyehi sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā pariyosāpetvā niṭṭhapetvā ito pubbe tathāgatassa adīṭṭhattā guṇāguṇavasena gambhīrabhāvaṃ vā uttānabhāvaṃ vā ajānanto ekamantaṃ nisīdi, ekamantaṃ nisinno kho yaṃ ovattikasāraṃ katvā āgato lokanissaraṇabhavokkantipaṇhaṃ satthu sammāsambuddhataṃ pucchitaṃ **bhavampi notiādīmāha**.

Tattha **bhavampi**ti pi-kāro sampiṇḍanathe nipāto, tena ca cha sathāre sampiṇḍeti. Yathā pūraṇādayo “sammāsambuddhamhā”ti paṭijānanti, evaṃ bhavampi nu paṭijānātīti attho. Idaṃ pana rājā na attano laddhiyā, loke mahājanena gahitapaṭiññāvasena pucchati. Atha bhagavā buddhasīhanādaṃ nadanto **yaṃ hi taṃ mahārājātiādīmāha**. Tattha **ahaṃ hi mahārājāti** anuttaraṃ sabbasetṭhaṃ sabbaññutaññāṇasaṅkhātāṃ sammāsambodhiṃ ahaṃ abhisambuddhoti attho. **Samaṇabrāhmaṇāti** pabbajjūpagamanena samaṇā, jātivāsena brāhmaṇā. Saṅghinotiādīsu pabbajitasamūhasaṅkhāto saṅgho etesaṃ atthīti **saṅghino**. Sveva gaṇo etesaṃ atthīti **gaṇino**. Ācārasikkhāpanavasena tassa gaṇassa ācariyāti **gaṇācariyā**. **Ñātāti** paññātā pākātā. “Appicchā santuṭṭhā appicchatāya vatthampi na nivāsentī”ti evaṃ samuggato yaso etesaṃ atthīti yasassino. **Titthakarāti** laddhikarā. **Sādhusammatāti** “santo sappurisā”ti evaṃ sammatā. **Bahujanassāti** assutavato andhabālaputhujjanassa. **Pūraṇotiādīni** tesāṃ nāmagottāni. **Pūraṇoti** hi nāmameva. Tathā, **makkhalīti**. So pana gosālāya jātattā gosāloti vutto. **Nāṭaputtoti** nāṭassa putto. **Belatṭhaputtoti** belatṭhassa putto. **Kaccāyanoti** pakudhassa gottaṃ. Kesakambalassa dhāraṇato **ajito kesakambaloti** vutto.

Tepi mayāti kappakolāhalaṃ buddhakolāhalaṃ cakkavattikolāhalanti tīṇi kolāhalāni. Tattha “vassasatasahassamatthake kappuṭṭhānaṃ bhavissatī”ti kappakolāhalaṃ nāma hoti – “ito vassasatasahassamatthake loko vinassissati, mettaṃ mārisā, bhāvētha, karuṇaṃ muditaṃ upekkha”nti manussappathe devatā

ghosentiyo vicaranti. “Vassasahassamatthake pana buddho uppajjissatī”ti buddhakolāhalaṃ nāma hoti – “ito vassasahassamatthake buddho uppajjitvā dhammānudhammapaṭipadaṃ paṭipannaena saṅgharatanena parivārito dhammaṃ desento vicarissatī”ti devatā ugghosenti. “Vassasatamatthake pana cakkavattī uppajjissatī”ti cakkavattikolāhalaṃ nāma hoti – “ito vassasatamatthake sattaratanasampanno catuddīpissaro sahassa puttaparivāro vehāsaṅgamo cakkavattirājā uppajjissatī”ti devatā ugghosenti.

Imesu tīsu kolāhalesu ime cha satthāro buddhakolāhalaṃ sutvā ācariye payirupāsivā cintāmānivijjādīni uggaṇhitvā – “mayam buddhamhā”ti paṭiññaṃ katvā mahājanaparivutā janapadaṃ vicarantā anupubbena sāvattiyam pattā. Tesam upaṭṭhākā rājānam upasaṅkamtivā, “mahārāja, pūraṇo kassapo...pe... ajito kesakambalo buddho kira sabbaññū kirā”ti ārocesuṃ. Rājā “tumheva ne nimantevā ānethā”ti āha. Te gantvā tehi, “rājā vo nimanteti. Rañño gehe bhikkham gaṇhathā”ti vuttā gantum na ussahanti, punappunam vuccamānā upaṭṭhākānam cittānurakkhaṇatthāya adhivāsetvā sabbe ekatova agamaṃsu. Rājā āsanāni paññāpetvā “nisīdantū”ti āha. Niggaṇānam attabhāve rājusmā nāma pharati, te mahārahesu āsanesu nisīdituṃ asakkontā phalakesu ceva bhūmiyam ca nisīdiṃsu. Rājā “ettakeneva natthi tesam anto sukkadhammo”ti vatvā āhāram adavāva tālato patitaṃ muggarena pothento viya “tumhe buddhā, na buddhā”ti pañham pucchi. Te cintayimṃsu – “sace ‘buddhamhā’ti vakkhāma, rājā buddhavisaye pañham pucchitvā kathetuṃ asakkonte ‘tumhe mayam buddhāti mahājanaṃ vañceta āhiṇḍathā’ti jivhampi chindāpeyya, aññampi anattaṃ kareyyā”ti sakapaṭiññāya eva ‘na mayam buddhā’ti vadimṃsu. Atha ne rājā gehato nikaḍḍhāpesi. Te rājagharato nikkhante upaṭṭhākā pucchimṃsu – “kiṃ ācariyā rājā tumhe pañham pucchitvā sakkārasammānaṃ akāsī”ti? Rājā “buddhā tumhe”ti pucchi, tato mayam – “sace ayam rājā buddhavisaye pañham kathiyamānaṃ ajānanto amhesu manam padosessati, bahum apuññaṃ pasavissatī”ti rañño anukampāya ‘na mayam buddhā’ti vadimhā, mayam pana buddhā eva, amhākam buddhabhāvo, udakena dhovivāpi harituṃ na sakkāti. Iti bahiddhā ‘buddhamhā’ti āhaṃsu – rañño santike ‘na mayam buddhā’ti vadimṃsūti, idaṃ gahetvā rājā evamāha. Tattha **kiṃ pana bhavaṃ gotamo daharo ceva jātiyā, navo ca pabbajjāyāti** idaṃ attano paṭiññaṃ gahetvā vadati. Tattha kinti paṭikkhepavacanaṃ. Ete jātimahallakā ca cirapabbajitā ca “buddhamhā”ti na paṭijānanti, bhavaṃ gotamo jātiyā ca daharo pabbajjāya ca navo kiṃ paṭijānāti? Mā paṭijānāhīti attho.

Na uññātabbāti na avajānītabbā. **Na paribhotabbāti** na paribhavitabbā. **Katame cattāro**ti kathetukamyatāpucchā. **Khattiyoti** rājakumāro. **Uragoti** āsīviso. **Aggīti** aggiyeva. **Bhikkhūti** imasmim pana pade desanākusalatāya attānaṃ abbhantaram katvā silavantaṃ pabbajitaṃ dasseti. Ettha ca daharam rājakumāram disvā,

ukkamitvā maggaṃ adento, pārūpanaṃ anapanento, nisinnāsanato anuṭṭhahanto, hatthipitṭhādīhi anotaranto, heṭṭhā katvā maññanavasena aññampi evarūpaṃ anācāraṃ karonto khattiyāṃ avajānāti nāma. “Bhaddako vatāyaṃ rājakumāro, mahākaṇḍo mahodaro – kiṃ nāma yaṃkiñci corūpaddavaṃ vūpasametum yattha katthaci ṭhāne rajjaṃ anusāsituṃ sakkhissatī”tiādīni vadanto paribhoti nāma. Añjanisalākamattampi āsīvisapotakaṃ kaṇṇādīsu piḷandhanto aṅgulimpi jivhampi ḍaṃsāpento uragaṃ avajānāti nāma. “Bhaddako vatāyaṃ āsīviso udakadeḍḍubho viya kiṃ nāma kiñcideva ḍaṃsītuṃ kassacideva kāye viṣaṃ pharituṃ sakkhissatī”tiādīni vadanto paribhoti nāma. Khajjopanakamattampi aggīṃ gahetvā hatthena kīḷanto bhaṇḍukkhalikāya khipanto cūḷāya vā sayanapitṭhasātakapasibbakādīsu vā ṭhapento aggīṃ avajānāti nāma. “Bhaddako vatāyaṃ aggī kataraṃ nu kho yāgubhattaṃ pacissatī, kataraṃ macchamaṃsaṃ, kassa sītaṃ vinodessatī”tiādīni vadanto paribhoti nāma. Daharasāmaṇerampi pana disvā ukkamitvā maggaṃ adentoti rājakumāre vuttaṃ anācāraṃ karonto bhikkhuṃ avajānāti nāma. “Bhaddako vatāyaṃ sāmaṇero mahākaṇṭho mahodaro yaṃkiñci buddhavacanaṃ uggahetuṃ yaṃkiñci araññaṃ ajjhogāhetvā vasītuṃ sakkhissatī, saṅghattherakāle manāpo bhavissatī”tiādīni vadanto paribhoti nāma. Taṃ sabbampi na kātabbanti dassento **na uññātabbo na paribhotabboti** āha.

Etadavocāti etaṃ gāthābandhaṃ avoca. Gāthā ca nāmetā tadatthadīpanāpi honti visesatthadīpanāpi, tatrimā tadatthampi visesatthampi dīpentiyeva. Tattha **khattiyanti** khettānaṃ adhipatīṃ. Vuttañhettaṃ “khettānaṃ adhipatīti kho, vāsetṭha, ‘khattiyō khattiyō’ tveva dutiyaṃ akkharaṃ upanibbatta”nti (dī. ni. 3.131). **Jātisampannanti** tāyeva khattiyajātiyā jātisampannaṃ. Abhijātanti tīni kulāni atikkamitvā jātaṃ.

Ṭhānaṃ hīti kāraṇaṃ vijjati. **Manujindoti** manussa jetṭhako. **Rājadaṇḍenāti** rañño uddhaṭadaṇḍena, so appako nāma na hoti, dasasahassavīsatisahassappamāṇo hotiyeva. **Tasmiṃ pakkamate bhusanti** tasmiṃ puggale balavaupakkamaṃ upakkamati. **Rakkhaṃ jīvitamattanoti** attano jīvitaṃ rakkhamāno taṃ khattiyāṃ parivajjeyya na ghaṭṭeyya.

Uccāvacehīti nānāvidhehi. **Vaṇṇehīti** saṅṭhānehi. Yena yena hi vaṇṇena caranto gocaraṃ labhati, yadi sappavaṇṇena, yadi deḍḍubhavaṇṇena, yadi dhamanivaṇṇena, antamaso kalandaḍḍavaṇṇenapi caratiyeva. **Āsajjāti** patvā. **Bālanti** yena bālena ghaṭṭito, taṃ bālaṃ naraṃ vā nāriṃ vā ḍaṃseyya.

Pahūtabhakkhanti bahubhakkhaṃ. Aggissa hi abhakkhaṃ nāma natthi. **Jālinanti** jālavantaṃ. **Pāvakanti** aggīṃ. Pāvagantipi pāṭho. **Kaṇhavattaninti** vattanīti maggo, agginā gatamaggo kaṇho hoti kāḷako, tasmā “kaṇhavattanī”ti vuccati.

Mahā hutvānāti mahanto hutvā. Aggi hi ekadā yāvabrahmalokappamāṇopi hoti. **Jāyanti tattha pārōhāti** tattha agginā daḍḍhavane pārōhā jāyanti. **Pārōhāti** tiṇarukkḥādayo vuccanti. Te hi agginā daḍḍhatṭhāne mūlamattepi avasiṭṭhe pādato rohanti jāyanti vaḍḍhanti, tasmā “pārōhā”ti vuccanti. Punarohanatthena vā **pārōhā**. **Ahorattānamaccayeti** rattindivānaṃ atikkame. Nidāghepi deve vuṭṭhamatte jāyanti.

Bhikkhu ḍahati tejasāti ettha akkosantaṃ paccakkosanto bhaṇḍantaṃ paṭibhaṇḍanto paharantaṃ paṭipaharanto bhikkhu nāma kiñci bhikkhutejasā ḍahitum na sakkoti. Yo pana akkosantaṃ na paccakkosati, bhaṇḍantaṃ na paṭibhaṇḍati. Paharantaṃ na paṭipaharati, tasmim vippaṭipanno tassa sīlatejena ḍayhati. Tenevetam vuttam. **Na tassa puttā pasavoti** tassa puttadhītaropi gomahimsakukkuṭasūkarādayo pasavopi na bhavanti, vinassantīti attho. **Dāyādā vindare dhananti** tassa dāyādāpi dhanam na vindanti. **Tālāvattḥū bhavanti** teti te bhikkhutejasā daḍḍhā vatthumattāvasiṭṭho matthakacchinnatālo viya bhavanti, puttadhītādivasena na vaḍḍhantīti attho.

Tasmāti yasmā samaṇatejena daḍḍhā matthakacchinnatālo viya avirulhidhammā bhavanti, tasmā. **Sammadeva samācareti** sammā samācareyya. Sammā samācarantena pana kiṃ kātābanti? Khattiyam tāva nissāya laddhabbam gāmanigamayānavāhanādiānisamsam, uragam nissāya tassa kīlāpanena laddhabbam vatthahiraññasuvaṇṇādiānisamsam aggim nissāya tassānubhāvena pattabbam yāgubhattapacanasītavinodanādiānisamsam, bhikkhum nissāya tassa vasena pattabbam asutasavanasutapariyodapana-saggamaggādhigamādiānisamsam sampassamānena “ete nissāya pubbe vuttappakāro ādīnavo atthi. Kiṃ imehī”ti? Na sabbaso pahātabbā. Issariyatthikena pana vuttappakāram avajānanañca paribhavanañca akatvā pubbuṭṭhāyipacchānipātītādīhi upāyehi khattiyakumāro tosetabbo, evam tato issariyam adhigamissati. Ahituṇḍikena urage vissāsam akatvā nāgavijjam parivattetvā ajapadena daṇḍena gīvāya gahetvā visaharena mūlena dāṭhā dhovitvā pelāyam pakkipitvā kīlāpentena caritabbam. Evam tam nissāya ghāsacchādanādīni labhissati. Yāgupacanādīni kattukāmena aggim vissāsenā bhaṇḍukhalikādīsu apakkipitvā hatthehi anāmasantena gomayacuṇṇādīhi jāletvā yāgupacanādīni kattabbāni, evam tam nissāya ānisamsam labhissati. Asutasavanādīni patthayantenapi bhikkhum ativissāsenā vejjakammanavakammādīsu ayojetvā catūhi paccayehi sakkaccaṃ upaṭṭhātabbo, evam tam nissāya asutapubbam buddhavacanaṃ asutapubbam pañhāvinicchayaṃ ditṭhadhammikasamparāyikaṃ atthaṃ tisso kulasampattiyo cha kāmasaggāni nava ca brahmaloke patvā amatamahānibbānadassanampi labhissatīti imamatthaṃ sandhāya sammadeva samācareti āha.

Etadvocāti dhammadesanaṃ sutvā pasanno pasādaṃ āvikaronto etaṃ “abhikkanta”ntiādivacanaṃ avoca. Tattha **abhikkantanti** abhikantaṃ atiiṭṭhaṃ atimaṇāpaṃ, atisundaranti attho. Ettha ekena abhikkantasaddena desanaṃ thometi “abhikkantaṃ, bhante, yadidaṃ bhagavato dhammadesanā”ti. Ekena attano pasādaṃ “abhikkantaṃ, bhante, yadidaṃ bhagavato dhammadesanaṃ āgamma mama pasādo”ti.

Tato paraṃ catūhi upamāhi desanaṃyeva thometi. Tattha **nikkujjanti** adhomukhaṭṭhapitaṃ, hetṭhāmukhajātaṃ vā. **Ukkujjeyyāti** uparimukhaṃ kareyya. **Paṭicchannanti** tiṇapaṇṇādichāditaṃ. **Vivareyyāti** ugghāṭeyya. **Mūlhassāti** disāmūlhassa. **Maggam ācikkheyyāti** hatthe gahetvā “esa maggo”ti vadeyya. **Andhakāreti** kālapakkhacātuddasī aḍḍharattaghanavanasāṇḍa meghapaṭalehi caturaṅge tame. Idaṃ vuttaṃ hoti – yathā koci nikkujjitaṃ ukkujjeyya, evaṃ saddhammavimukhaṃ asaddhamme patitaṃ maṃ asaddhammā vuṭṭhāpentena, yathā paṭicchannaṃ vivareyya, evaṃ kassapassa bhagavato sāsanaṃantaradhānā pabhuti micchāditiṭṭhigahanapaṭicchannaṃ sāsanaṃ vivarantena, yathā mūlhassa maggaṃ ācikkheyya, evaṃ kummaggamicchāmaggaṃapaṭipannaṃ me saggamokkhamaggaṃ āvikarontena, yathā andhakāre telapajjotaṃ dhāreyya, evaṃ mohandhakāre nimuggassa me buddhādiratanarūpāni apassato tappaṭicchādakamohandhakāraviddhamsakadesanāpajjotaṃ dhārentena mayhaṃ bhagavatā etehi pariyāyehi pakāsītattā anekapariyāyena dhammo pakāsītoti.

Evaṃ desanaṃ thometvā imāya desanāya ratanattaye pasannacitto pasannākāraṃ karonto **esāhanti**ādimāha. Tattha **esāhanti** eso ahaṃ. **Bhagavantaṃ saraṇaṃ gacchāmi dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅcāti** bhagavantaṅca dhammaṅca bhikkhusaṅghaṅcāti imaṃ ratanattayaṃ saraṇaṃ gacchāmi. **Upāsakaṃ maṃ, bhante, bhagavā dhāretūti** maṃ bhagavā ‘upāsako aya’nti evaṃ dhāretu, jānātūti attho. **Ajjaṭṭaggeti** ajjataṃ ādiṃ katvā. Ajjaḍḍaggeti vā pāṭho, da-kāro padasandhikaro, ajja aggaṃ katvāti attho. **Pāṇupetanti** pāṇehi upetaṃ yāva me jīvitaṃ pavattati, tāva upetaṃ anaññasatthukaṃ tīhi saraṇagamanehi saraṇaṃ gataṃ upāsakaṃ kappiyakāraṃ maṃ bhagavā dhāretūti ayamettha saṅkhepo, vitthāro pana sumaṅgalavilāsiniyā dīghanikāyaṭṭhakathāya sāmāññaphalasutte sabbākārena vuttoti. Paṭhamam.